

Số: 12 /2017/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 17 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 87/BC-BPC ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức phân bổ kinh phí, mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh: Mức phân bổ kinh phí, mức chi đặc thù đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được áp dụng cho các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Lào Cai khi thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện nghị quyết của HĐND các cấp, quyết định của UBND các cấp; xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

a) Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND được ban hành mới hoặc thay thế: Cấp tỉnh 10.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 8.000.000 đồng/văn bản; cấp xã

6.000.000 đồng/văn bản.

b) Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND được sửa đổi, bổ sung: Cấp tỉnh 8.000.000 đồng/văn bản; cấp huyện 6.000.000 đồng/văn bản; cấp xã 4.000.000 đồng/văn bản.

3. Các mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

a) Các mức chi cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật: *Theo Phụ lục 01 đính kèm* (Tổng các mức chi này không được vượt quá mức phân bổ kinh phí quy định tại Khoản 2 của Điều này).

b) Mức chi xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật: *Theo Phụ lục 02 đính kèm*.

4. Ngoài mức phân bổ kinh phí quy định tại Khoản 2 của Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì xây dựng văn bản sắp xếp, bố trí một khoản kinh phí từ nguồn ngân sách chi thường xuyên đã được giao để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

5. Nguồn kinh phí chi trả:

a) Ngân sách nhà nước; công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được bố trí trong dự toán hàng năm của các cơ quan, đơn vị.

b) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm và biểu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XV, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017; bãi bỏ Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của HĐND tỉnh về mức chi và định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TP;
- VP.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Chuyên viên TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Vịnh

PHỤ LỤC

**Các mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017
của HĐND tỉnh Lào Cai)



| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức chi | | |
|----------|---|----------------------|-----------|--|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |
| 1 | Chi xây dựng đề cương chi tiết dự thảo văn bản: | | | | |
| 1.1 | Nghị quyết, quyết định mới hoặc thay thế | đồng/đề cương | 950.000 | 750.000 | 550.000 |
| 1.2 | Nghị quyết, quyết định sửa đổi, bổ sung | | 650.000 | 500.000 | 400.000 |
| 2 | Chi soạn thảo văn bản: | | | | |
| 2.1 | Nghị quyết, quyết định mới hoặc thay thế | đồng/dự thảo văn bản | 3.000.000 | 2.500.000 | 1.500.000 |
| 2.2 | Nghị quyết, quyết định sửa đổi, bổ sung | | 2.500.000 | 2.000.000 | 1.000.000 |
| 3 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản: | | | | |
| 3.1 | Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý: | | | | |
| a | Văn bản mới hoặc thay thế: | đồng/báo cáo | 250.000 | 200.000 | 150.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung: | | 150.000 | 120.000 | 100.000 |
| 2 | Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý: | | | | |
| a | Văn bản mới hoặc thay thế: | đồng/báo cáo | 350.000 | 250.000 | 200.000 |
| b | Văn bản sửa đổi, bổ sung: | | 250.000 | 150.000 | 100.000 |
| 3.2 | Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên Hội đồng tư vấn thẩm định, báo cáo tham luận theo đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo: | | | | |
| a | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định mới hoặc thay thế: | đồng/báo cáo | 350.000 | 250.000 | 200.000 |
| b | Dự thảo Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung: | | 200.000 | 150.000 | 100.000 |
| 3.3 | Báo cáo đánh giá tác động chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản: | đồng/báo cáo | 6.000.000 | Cấp huyện, cấp xã không có hoạt động này | |
| 4 | Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản: | | | | |
| 4.1 | Văn bản góp ý: | đồng/văn bản | 250.000 | 150.000 | 100.000 |

| | | | | | |
|-----|---|-------------------------|---|---------|---------|
| 4.2 | Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra: | đồng/báo cáo | 500.000 | 400.000 | 300.000 |
| 5 | Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản | đồng/lần chỉnh lý | 200.000 | 150.000 | 100.000 |
| 6 | Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo: | | | | |
| 6.1 | Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật: | | | | |
| a | Chủ trì: | đồng/người/ cuộc họp | 150.000 | 120.000 | 100.000 |
| b | Các thành viên tham dự: | | 100.000 | 80.000 | 50.000 |
| c | Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự: | văn bản | 200.000 | 150.000 | 100.000 |
| 6.2 | Tham dự họp báo công bố văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành: | | | | |
| a | Chủ trì: | đồng/người/ cuộc họp | 150.000 | 120.000 | 100.000 |
| b | Các thành viên tham dự: | | 70.000 | 60.000 | 50.000 |
| 7 | Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu: | | | | |
| 7.1 | Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: | đồng/trang (350 từ) | 120.000 | | |
| 7.2 | Từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: | | 150.000 | | |
| 7.3 | Từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: | | 100.000 | | |
| 7.4 | Hiệu đính tài liệu: | | 40.000 | | |
| 7.5 | Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông: | | Mức chi biên dịch được tăng 30% so với mức chi biên dịch tại điểm 7.1, 7.2, 7.3 và 7.4 của khoản này. | | |
| 8 | Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập | đồng/báo cáo | 1.000.000 | 800.000 | 600.000 |

PHỤ LỤC

Mức chi xây dựng báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017
của HĐND tỉnh Lào Cai)



| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Mức chi | | |
|----|---|--------------|-----------|-----------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã |
| 1 | Báo cáo do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình UBND tỉnh gửi Bộ Tư pháp | đồng/báo cáo | 3.400.000 | | |
| 2 | Báo cáo do UBND cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp | đồng/báo cáo | 1.700.000 | | |
| 3 | Báo cáo do UBND cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp | đồng/báo cáo | 900.000 | | |
| 4 | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề | đồng/báo cáo | 3.000.000 | 2.400.000 | 1.800.000 |
| 5 | Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất | đồng/báo cáo | 2.500.000 | 2.000.000 | 1.500.000 |